ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**
**QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3**
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03693AMT5/1
(MT.2025.03464/1)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*

23/06/2025


1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP ĐẦU VÀO**
**Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date:* 09h00 - 13/06/2025**

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
*Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng;
*Form: the liquid;*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L;
*Unit/sample: 5 L;*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
*Container: plastic bottle;*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 13/06/2025

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 13/06/2025 – 23/06/2025

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CN LONG AN**
**Ấp 2, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam**

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing results* : Xem trang tiếp theo / *See next page*

**TL. TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG**
***PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB***

**Nguyễn Công Chính**

**TL. GIÁM ĐỐC/ *PP.DIRECTOR***
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
***HEAD OF TESTING LAB***

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 1 Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03693AMT5/1
(MT.2025.03464/1)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

23/06/2025


| STT *No.* | Tên chỉ tiêu *Characteristic* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả thử nghiệm *Test result* | Giới hạn phát hiện *Limit of detection* |
|---|---|---|---|---|---|
| 7.1 | Độ pH ở 25 °C *pH value at 25 °C* | - | TCVN 6492:2011 | 6,3 | - |
| 7.2 | Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày ($BOD_5$) (1) *Biochemical oxygen demand ($BOD_5$)* | mg/L | TCVN 6001-1:2021 | 41,2 | - |
| 7.3 | Nhu cầu oxy hóa học (COD) (1) *Chemical oxygen demand (COD)* | mg/L | SMEWW 5220D:2023 | 126 | - |
| 7.4 | Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (1) *Total suspended solids content* | mg/L | SMEWW 2540D:2023 | 53,8 | - |
| 7.5 | Hàm lượng dầu mỡ khoáng (hydrocacbon) (1) *Hydrocacbon content* | mg/L | SMEWW 5520B&F:2023 | < 3,0 (**) | 1,4 |
| 7.6 | Hàm lượng sulfur ($S^{2-}$) (1) *sulfur (sulfide) content* | mg/L | SMEWW 4500 $S^{2-}$.B&D:2023 | KPH | 0,01 |
| 7.7 | Hàm lượng amonium tính theo nitơ ($N\text{-}NH_4^+$) (1) *Amonium nitrogen content* | mg/L | TCVN 5988:1995 | 8,1 | - |
| 7.8 | Hàm lượng nitơ tổng (1) *Total nitrogen content* | mg/L | TCVN 6638:2000 | 28,6 | - |
| 7.9 | Tổng phospho (P) (1) *Total phosphorus content* | mg/L | US EPA 200.7 | 3,71 | - |
| 7.10 | Tổng số coliform(1) *Total coliform* | MPN/100 mL | SMEWW 9221B:2023 | $3,5 \times 10^4$ | - |

**Ghi chú/ *Notice:***

(1): Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078./ *The characteristics are based on VIMCERTS 078 certificate.*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ *Limit of quantification of method (LOQ)*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**
**QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3**
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03693AMT5/2
(MT.2025.03464/2)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## *TEST REPORT*

23/06/2025


1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP ĐẦU RA**
**Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date:* 09h05 - 13/06/2025**

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
*Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng;
*Form: the liquid;*
- Số đơn vị/mẫu: 5 L;
*Unit/sample: 5 L;*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
*Container: plastic bottle;*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 13/06/2025

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 13/06/2025 – 23/06/2025

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CN LONG AN**
**Ấp 2, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam**

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing results* : Xem trang tiếp theo / *See next page*

**TL. TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG**
***PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB***

**Nguyễn Công Chính**

**TL. GIÁM ĐỐC/ *PP.DIRECTOR***
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
***HEAD OF TESTING LAB***

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam • Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 374 Hồng Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03693AMT5/2
(MT.2025.03464/2)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
## TEST REPORT

23/06/2025


| STT *No.* | Tên chỉ tiêu *Characteristic* | Đơn vị tính *Unit* | Phương pháp thử *Test method* | Kết quả thử nghiệm *Test result* | Giới hạn phát hiện *Limit of detection* |
|---|---|---|---|---|---|
| 7.1 | Độ pH ở 25 °C *pH value at 25 °C* | - | TCVN 6492:2011 | 6,4 | - |
| 7.2 | Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày ($BOD_5$) (1) *Biochemical oxygen demand ($BOD_5$)* | mg/L | TCVN 6001-1:2021 | KPH | 2,5 |
| 7.3 | Nhu cầu oxy hóa học (COD) (1) *Chemical oxygen demand (COD)* | mg/L | SMEWW 5220D:2023 | 12,9 | - |
| 7.4 | Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (1) *Total suspended solids content* | mg/L | SMEWW 2540D:2023 | KPH | 2,0 |
| 7.5 | Hàm lượng dầu mỡ khoáng (hydrocacbon) (1) *Hydrocacbon content* | mg/L | SMEWW 5520B&F:2023 | KPH | 1,4 |
| 7.6 | Hàm lượng sulfur ($S^{2-}$) (1) *sulfur (sulfide) content* | mg/L | SMEWW 4500 $S^{2-}$.B&D:2023 | KPH | 0,01 |
| 7.7 | Hàm lượng amonium tính theo nitơ ($N\text{-}NH_4^+$) (1) *Amonium nitrogen content* | mg/L | TCVN 5988:1995 | KPH | 0,5 |
| 7.8 | Hàm lượng nitơ tổng (1) *Total nitrogen content* | mg/L | TCVN 6638:2000 | 13,7 | - |
| 7.9 | Tổng phospho (P) (1) *Total phosphorus content* | mg/L | US EPA 200.7 | 1,36 | - |
| 7.10 | Tổng số coliform(1) *Total coliform* | MPN/100 mL | SMEWW 9221B:2023 | < 1,8(***) | - |

**Ghi chú/ *Notice:***

(***): Kết quả được biểu thị < 1,8 MPN/100 mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp/ *The result is expressed as < 1,8 MPN/100mL when these is no positive tube in the three consecutive dilutions.*

(1): Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078./ *The characteristics are based on VIMCERTS 078 certificate.*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*